

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016

Thực hiện Công văn số 06/BTC-TTr ngày 03/01/2017 của Bộ Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016, UBND tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2016, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

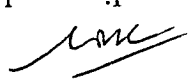
1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP

- Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tiếp tục đẩy mạnh phổ biến, quán triệt: Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh THTK, CLP; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XI về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí giai đoạn 2012 - 2016; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội... từ đó, có tác dụng nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, ngăn chặn hành vi lãng phí.

- Thường xuyên tổ chức các đợt học tập, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về THTK, CLP cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các sở, ban, ngành, mặt trận, hội, đoàn thể, doanh nghiệp có vốn nhà nước và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Đẩy mạnh thực hiện các Luật: Xây dựng, Đấu thầu, Đất đai, Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Thanh tra, Trách nhiệm bồi thường của nhà nước, Xử lý vi phạm hành chính, Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Phòng, chống tham nhũng. Đồng thời, phổ biến các Luật mới như: Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Phí, lệ phí năm 2015 và tổ chức lấy ý kiến về Luật Quản lý, sử dụng tài sản công... để đưa các chính sách, pháp luật của Nhà nước vào trong hoạt động của mỗi cơ quan, đơn vị và đời sống của người dân, nhằm tạo thói quen tiết kiệm trong từng hoạt động xử lý công việc của các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân.

- Bên cạnh việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về THTK, CLP, các cơ quan Đảng, mặt trận, hội, đoàn thể và chính quyền địa phương các cấp đã kịp



thời có các hình thức tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tổ chức, đơn vị có thành tích tốt trong hoạt động THTK, CLP; đồng thời, phê phán cá nhân, tổ chức, đơn vị có hành vi vi phạm, gây lãng phí.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP

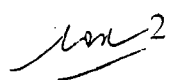
Triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2016, trong đó, ngoài những giải pháp chỉ đạo, điều hành các mặt kinh tế - xã hội, UBND tỉnh còn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có vốn nhà nước triệt để tiết kiệm chi ngân sách, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi hành chính và các lĩnh vực khác...

Nhằm cụ thể hóa việc chỉ đạo điều hành trong công tác THTK, CLP, ngày 06/5/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND về Chương trình THTK, CLP năm 2016 với những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để thực hiện Chương trình như: thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương); phân đầu tiết kiệm 10% đến 15% tổng mức đầu tư dự án; tinh giản 1,5% so với số biên chế được giao... Đồng thời, thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 03/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 21/CT-UBND ngày 30/9/2016 về tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước những tháng cuối năm 2016, trong đó, yêu cầu thực hiện một số nội dung cụ thể như: điều hành ngân sách chặt chẽ, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, thực hiện công khai minh bạch tình hình sử dụng ngân sách ở các cấp ngân sách, các đơn vị thụ hưởng ngân sách; rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; cắt giảm tối đa các khoản chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách; tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển; thực hiện nghiêm quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn quy định về quản lý vốn đầu tư, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ...

Bên cạnh đó, căn cứ vào Chương trình THTK, CLP năm 2016 của tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng và ban hành kế hoạch THTK, CLP của cơ quan, đơn vị mình để làm căn cứ thực hiện và đánh giá vào cuối năm.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

Trong năm 2016, UBND tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương đã chỉ đạo tiến hành thanh tra, kiểm tra tại một số cơ quan, đơn vị, tập trung vào các lĩnh vực: quản lý, sử dụng đất đai, quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản; quản lý tài chính; thực hiện chính sách bảo đảm an sinh xã hội và những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Hầu hết các cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra đều chấp hành



nghiêm việc sử dụng kinh phí được Nhà nước giao, đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức, đối tượng theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, đối với việc xử lý sai phạm, các ngành, địa phương đã chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý điều hành, góp phần tăng cường kỷ cương, pháp luật, chủ động phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, hành vi tham nhũng, lãng phí trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội được thanh tra.

II. Tình hình, kết quả THTK, CLP năm 2016

1. Kết quả thực hiện

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền 11 văn bản chỉ đạo điều hành và 74 văn bản quy phạm pháp luật quy định mới, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, định mức trong từng ngành, lĩnh vực có liên quan đến việc THTK, CLP tạo cơ sở cho việc thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả triển khai chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Nhà nước.

Các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được dự thảo trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình HĐND tỉnh thông qua, đảm bảo tiết kiệm ngay từ khâu xây dựng và hiệu quả khi áp dụng.

Ngoài ra, qua kiểm tra, đánh giá tình hình quản lý tài chính thì hầu hết các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đều tuân thủ đúng các quy định về tiêu thức, nguyên tắc phân bổ và quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Trên cơ sở Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền hoặc chủ động báo cáo đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý, thực hiện các biện pháp điều hành về tài chính - ngân sách.

Với chủ trương tiết kiệm của Trung ương, ngay từ khâu giao dự toán đầu năm, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh thực hiện 02 lần tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương (bao gồm số tiết kiệm gốc năm 2011 và phần tiết kiệm tăng thêm năm 2016 so với năm 2011) theo dự toán giao đầu năm là 191.250 triệu đồng, trong đó: khối tỉnh là 106.822 triệu đồng, khối huyện là 84.428 triệu đồng.



Đồng thời, ngay từ đầu năm, Sở Tài chính đã ban hành Văn bản số 384/STC-NS ngày 02/02/2016 về việc hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách năm 2016, trong đó, hướng dẫn việc phân bổ và giao dự toán ngân sách cho từng sự nghiệp, mục tiêu như: giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, môi trường..., đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, trên tinh thần tiết kiệm nhưng cũng tạo sự chủ động trong quản lý, điều hành hoạt động cho các cơ quan, đơn vị và địa phương. Kết quả, số tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước là 102.946 triệu đồng (*trong đó: tiết kiệm chi quản lý hành chính 26.588 triệu đồng, tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại 1.358 triệu đồng, kinh phí tiết kiệm được do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ tài chính năm 2016 theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ (nay là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ) ước thực hiện là 74.961 triệu đồng*).

Bên cạnh đó, thực hiện Chỉ thị số 21/CT-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh về tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước những tháng cuối năm 2016, ngoài việc quản lý ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm thì đã thực hiện hủy dự toán và bổ sung dự phòng ngân sách địa phương đối với kinh phí chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm của các cơ quan và địa phương, nhưng đến ngày 30/6/2016 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa tổ chức đấu thầu.

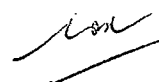
Ngoài ra, theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước.

Nhìn chung, năm 2016 công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước tại các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện nghiêm túc theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước ở tất cả các khâu như: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán ngân sách nhà nước. Việc phân bổ dự toán, sử dụng ngân sách hàng năm đã chấp hành đúng các định mức, tiêu chuẩn, chế độ Nhà nước quy định.

c) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Về việc mua sắm tài sản:

Việc mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và Công văn số 2304/BTC-QLCS ngày 19/02/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2016, trong đó, chỉ được thực hiện mua sắm mới xe ô tô phục vụ chức danh và xe ô tô phục vụ công

 4

tác chung sau khi hoàn thành việc rà soát, sắp xếp xe ô tô phục vụ công tác chung hiện có.

Ngoài ra, năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức mua sắm tập trung. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1257/UBND-TH ngày 07/4/2016, trong đó, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện quy định mới này. Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 về việc ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định. Kết quả, từ khi triển khai thực hiện, Sở Tài chính đã tổ chức mua sắm tập trung đối với 04 gói thầu, với tổng kinh phí thực hiện là 6.495 triệu đồng, tiết kiệm 477 triệu đồng so với giá trị chào hàng.

- Về việc trang bị và sử dụng tài sản:

Việc trang bị phương tiện đi lại và phương tiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan khối Đảng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo đúng quy định tại các Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 và số 58/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Các phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc trong các cơ quan, đơn vị trong khu vực nhà nước được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác chuyên môn; không sử dụng vào mục đích cá nhân; được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và kiểm kê vào thời điểm cuối năm dựa trên Quy chế sử dụng tài sản công được các cơ quan, đơn vị xây dựng hàng năm.

d) Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- Về đầu tư xây dựng:

Qua rà soát, tại thời điểm 31/12/2015, toàn tỉnh có 952 dự án chưa quyết toán với tổng số tiền đã thanh toán 589.348 triệu đồng (trong đó, cấp tỉnh là 16 dự án với tổng số tiền đã thanh toán là 192.432 triệu đồng, cấp huyện là 230 dự án với tổng số tiền đã thanh toán là 164.663 triệu đồng, cấp xã là 706 dự án với tổng số tiền đã thanh toán là 232.253 triệu đồng). Trước tình hình trên, UBND tỉnh đã thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước theo đúng Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả, đến 30/10/2016, trên toàn tỉnh còn tồn đọng 530 dự án với số tiền đã thanh toán là 403.885 triệu đồng (trong đó, cấp tỉnh 11 dự án, với tổng số tiền đã thanh toán là 181.143 triệu đồng; cấp huyện, thị xã, thành phố 200 dự án, với tổng số tiền đã

 5

thanh toán là 140.127 triệu đồng; cấp xã, phường, thị trấn 319 dự án, với tổng số tiền đã thanh toán là 82.615 triệu đồng). Qua đó cho thấy, công tác quyết toán các dự án hoàn thành đã có những bước chuyển biến tích cực và ngày càng đi vào nề nếp.

Bên cạnh đó, nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân và sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đã giao đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 3116/UBND-TH ngày 27/7/2016 về việc tập trung thực hiện những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016, trong đó, yêu cầu các ngành chức năng và các chủ đầu tư thường xuyên kiểm tra, giám sát và tăng cường công tác giải ngân vốn đầu tư phát triển... đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công, đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí và tuân thủ đúng quy định của Nhà nước.

Kết quả thực hiện tiết kiệm trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước là 77.746 triệu đồng, bao gồm: công tác thẩm định, phê duyệt dự toán là 57.687 triệu đồng; thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh là 5.946 triệu đồng; thực hiện đầu tư, thi công là 7.550 triệu đồng; thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 6.563 triệu đồng (*trong đó, đến 31/10/2016, Sở Tài chính đã thực hiện thẩm tra, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh với tổng giá trị hơn 1.875.530 triệu đồng (giảm 5.473 triệu đồng, tương ứng tiết kiệm 0,3% so với số đề nghị của Chủ đầu tư và tổng mức đầu tư)*).

- Về quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Tập huấn, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị đăng ký vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước; yêu cầu cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản đối với các trường hợp có biến động về nguyên giá, điều chuyển, thanh lý...; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.

Tiếp tục việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 25/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả trong năm 2016, sau khi có chỉ đạo của UBND tỉnh về việc rà soát các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh, các cơ quan Trung ương tại địa phương đã thống nhất chuyển giao một số cơ sở nhà, đất cho địa phương quản lý như: Trạm xá Mỹ Thắng (xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ), Trạm BTS Định Công (xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn). Đồng thời, qua rà soát, đã xác lập sở hữu toàn dân đối với 02 ngôi nhà; xác lập và thu hồi 02 ngôi nhà; xác định giá bán cho 01 ngôi



nhà; xác định cho thuê 02 ngôi nhà; sắp xếp, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước, với tổng diện tích đất là 1.537.967,61m², diện tích nhà là 43.242,35m²...

Các trụ sở làm việc, nhà công vụ trên địa bàn tỉnh được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả; định kỳ thực hiện bảo trì, bảo dưỡng nhằm duy trì công năng sử dụng của tài sản. Các công trình phúc lợi công cộng được đầu tư xây dựng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu giải trí, văn hóa cho người dân trên địa bàn tỉnh.

đ) Trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

Về quản lý, khai thác, sử dụng đất đai: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan thường xuyên rà soát, điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên, Bảng giá các loại đất, Hệ số điều chỉnh giá đất, Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất... cho phù hợp với thực tế, hạn chế thất thoát, lãng phí giá trị các nguồn tài nguyên của địa phương. Trong năm 2016, đã thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất tại một số khu đất lớn trên địa bàn tỉnh như: Khu quy hoạch dân cư phía Tây đường An Dương Vương, Khu quy hoạch dân cư phía Đông đường Điện Biên Phủ, Khu quy hoạch dân cư dọc đường Hoa Lư nổi dài... với tổng số tiền thu nộp ngân sách nhà nước là 2.003.201 triệu đồng, vượt 157,5% kế hoạch năm; thực hiện thẩm định và cho thuê đất thu tiền 01 lần đối với các dự án lớn trên địa bàn tỉnh như: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Pegasus Bình Định (Chủ đầu tư Dự án Khu Giáo dục Kỹ năng sống Outward Boubnd Việt Nam tại Bình Định), Công ty cổ phần Đầu tư Dviews và một số doanh nghiệp khác, với tổng số thu khoảng 185.157 triệu đồng, vượt 85,2% kế hoạch.

Trong quản lý, khai thác tài nguyên thiên nhiên, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo việc quản lý, khai thác tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh như: Công văn số 3166/UBND-KT ngày 29/7/2016 về chủ trương khảo sát các điểm mỏ khoáng sản để lập kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Công văn số 5014/UBND-KT ngày 03/11/2016 về chủ trương lập quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2025, định hướng đến năm 2030 - nội dung phân bổ tài nguyên mặt nước và phân bổ tài nguyên nước dưới đất... nhằm đảm bảo tài nguyên thiên nhiên được sử dụng hiệu quả, tiết kiệm.

e) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ với tiêu chí đến năm 2021 thực hiện giảm 10% số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động so với số lượng biên chế được giao hiện tại nhằm góp phần làm cho bộ máy hành chính nhà nước được tinh gọn, tiết kiệm kinh phí chi hành chính và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Tiếp tục thực hiện việc công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành



chính; thực hiện cơ chế “một cửa”, nhân rộng mô hình “một cửa liên thông”, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước và triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh giai đoạn 2011-2020. Đến nay, hầu hết các cơ quan, đơn vị và 11/11 huyện, thị xã, thành phố đều áp dụng cơ chế một cửa, Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001-2008...

Nhằm tạo sự chuyển biến trong công tác cải cách hành chính, được sự đồng ý của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức mở Lớp tập huấn công tác cải cách hành chính năm 2016 cho 20 sở, ban ngành, 06 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và 11 huyện, thị xã, thành phố với tổng cộng 80 học viên tham dự. Ngoài ra, trong năm 2016, Sở Nội vụ cũng đã tổ chức cuộc thi “Ý tưởng cải cách hành chính tỉnh Bình Định” với mục đích tuyên truyền sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về các chủ trương, chính sách, chương trình, nội dung cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước, nhằm giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhận thức đầy đủ, rõ ràng về cải cách hành chính và có thái độ tích cực, tham gia hăng hái vào quá trình cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

g) Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp

Qua đánh giá 16/16 doanh nghiệp có vốn nhà nước, các doanh nghiệp này đã triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động về THTK, CLP của tỉnh đề ra; rà soát, sửa đổi, bổ sung các định mức về chi phí quản lý doanh nghiệp, định mức tiêu hao nguyên vật liệu; ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh cho hàng xuất khẩu.

Đồng thời, qua báo cáo sơ bộ của các doanh nghiệp nêu trên, tuy tình hình kinh tế khó khăn, sức tiêu thụ của thị trường giảm, hàng hóa tiêu thụ chậm, giá thành sản xuất tăng cao (do chi phí đầu vào như nguyên, vật liệu, điện...) dẫn đến hiệu quả sản xuất giảm, nhưng các doanh nghiệp đã có sự nỗ lực lớn trong cắt giảm chi phí để tồn tại, vượt qua khó khăn, tạo đà phát triển và bảo toàn vốn của nhà nước.

Ngoài ra, để có cơ sở mới đánh giá về năng lực và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh, sau khi lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, ngày 31/10/2016, Sở Tài chính đã tham mưu Quy chế giám sát đầu tư vốn vào doanh nghiệp; giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh.

h) Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công chức và nhân dân thực hiện nếp sống văn minh nơi công sở, xây dựng cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa, nhất là thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

 8

Tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” năm 2016; triển khai thực hiện các chương trình thuộc Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2016... Hưởng ứng phong trào Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tại các trung tâm mua sắm, siêu thị, cửa hàng đã phát hành nhiều ấn phẩm, tờ rơi giới thiệu các sản phẩm, các chương trình khuyến mãi, giảm giá góp phần quảng bá “sản phẩm Việt”, tăng sức mua trong nhân dân đối với “hàng Việt”. Qua đó, tạo động lực cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phát triển, tăng sức cạnh tranh đối với sản phẩm nội địa, đồng thời thực hiện tiết kiệm trong tiêu dùng của người dân.

2. Đánh giá chung

- Các cấp chính quyền địa phương đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác THTK, CLP; một số cơ quan, địa phương đã ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2016 để làm cơ sở thực hiện và đánh giá.

- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ trong quản lý tài chính để chủ động sử dụng kinh phí, biên chế; đồng thời Nhà nước tăng cường quản lý, sử dụng ngân sách chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, qua đó góp phần tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cho cán bộ, công chức trong từng cơ quan, đơn vị.

- Việc số hóa dữ liệu về tài sản nhà nước giúp việc theo dõi, quản lý, sử dụng tài sản có hiệu quả hơn.

- Công tác điều chỉnh quy hoạch, lập quy hoạch sử dụng đất được khẩn trương thực hiện, sử dụng hiệu quả hơn đối với các khu đất trống, nhằm tạo nguồn thu để tái đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

- Việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ngay từ đầu năm đã làm giảm tình trạng kéo dài thanh toán qua các năm (do giải ngân không hết phải chuyển sang năm sau) hoặc thanh toán trùng, vượt khối lượng cho các công trình, dự án do áp lực thanh toán vào cuối năm.

- Các doanh nghiệp nhà nước đã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh ngay từ đầu năm, đưa ra các chỉ tiêu tiết kiệm; đồng thời, thực hiện đổi mới công nghệ làm tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản xuất, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm; nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; bảo toàn và tăng vốn chủ sở hữu doanh nghiệp.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

a) Tồn tại, hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc THTK, CLP vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định như:



- Chất lượng báo cáo chưa đảm bảo (có đơn vị chỉ gửi số liệu, không có đánh giá hoặc báo cáo chưa được đánh giá đầy đủ các nội dung, lĩnh vực mà cơ quan, đơn vị quản lý), thời gian lập và gửi báo cáo còn chậm, gây ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, đánh giá.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa ban hành Kế hoạch THPTK, CLP từ đầu năm hoặc có ban hành nhưng chưa xác định được các chỉ tiêu cụ thể để làm căn cứ thực hiện và đánh giá kết quả thi đua, khen thưởng vào cuối năm.

- Việc khai thác, sử dụng tài sản, nhà, đất tại các đơn vị sự nghiệp, nhất là việc lãng phí đất đai, sử dụng một phần diện tích đất để cho thuê lại không phù hợp với mục đích sử dụng được giao hoặc cho thuê ban đầu.

- Tình trạng lãng phí trong khai thác tài nguyên khoáng sản vẫn còn tồn tại.

b) Nguyên nhân

- Công tác THPTK, CLP có lúc, có nơi còn hình thức; chống lãng phí chưa được xác định là khâu trọng tâm, then chốt để có giải pháp quyết liệt nên hiệu quả phòng, chống lãng phí chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 17/2/2016 về Chương trình tổng thể THPTK, CLP năm 2016 với các nội dung và chỉ tiêu THPTK, CLP chung cho toàn quốc, nhưng Bộ Tài chính chưa có văn bản hướng dẫn về cách xây dựng các chỉ tiêu cụ thể, gây khó khăn cho địa phương trong quá trình thực hiện.

- Hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật và tiêu chuẩn, chế độ trong việc sử dụng vốn và tài sản nhà nước vẫn còn chưa sát với tình hình thực tế, dẫn đến ý thức chấp hành chưa nghiêm, gây lãng phí vốn và tài sản nhà nước trong nhiều lĩnh vực; quy định về chế tài, hình thức xử phạt đối với hành vi không tiết kiệm, gây lãng phí chưa cụ thể, nhất là tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

III. Nhiệm vụ chủ yếu, giải pháp thực hiện năm 2017

1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Luật THPTK, CLP, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; quán triệt và triển khai thực hiện đồng bộ các Luật Xây dựng, Đấu thầu, Đất đai, Quản lý Thuế, Ngân sách nhà nước, Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước... gắn với các Luật Thanh tra, Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Xử lý vi phạm hành chính, THPTK, CLP và Phòng, chống tham nhũng.

2. Căn cứ Chương trình tổng thể của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về THPTK, CLP năm 2017 và Chương trình THPTK, CLP năm 2017 của UBND tỉnh Bình Định, các cấp, cơ quan, đơn vị chủ động ban hành Kế hoạch THPTK, CLP với các nội dung, chỉ tiêu cụ thể.



3. Thực hiện công khai về THPT, CLP theo quy định tại Điều 5 Luật THPT, CLP năm 2013. Đồng thời, thực hiện công khai trong việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, tài sản công; công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất...

4. Các doanh nghiệp có vốn nhà nước tiếp tục đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành sản xuất nhằm tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.

5. Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình Định tại Công văn số 05-CV/TU ngày 04/11/2015 về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

6. Tăng cường thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, đoàn thể quần chúng ở các cấp trong việc phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ giám sát thực hiện Chương trình hành động về THPT, CLP ở các ngành, các cấp.

7. Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 18/8/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Xây dựng kế hoạch sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc khoa học, hợp lý, thực hiện cải cách hành chính, khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động bằng quy chế thưởng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính; (báo cáo)
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP UBND tỉnh;
- Chuyên viên K1, K12, K18;
- Lưu: VT, K7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Cao Thắng

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2016
(Kèm theo Báo cáo số 15 /BC-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	4	7=6/4	8=6/5	5
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	Văn bản	18		48	266,7		
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	8		26	325,0		
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	57		60	105,3		
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường	triệu đồng	13.453		18.269	135,8		
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	-					
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (10% tiết kiệm đầu năm)	triệu đồng	141.246	191.250	191.250	135,4	100,0	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	-					
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng	43.567			-		
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		14.475	22.521	26.588	183,7	118,1	
	- Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	1.821	2.975	3.636	200,7	122,9	
	- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	1.110	1.678	1.762	158,7	105,0	
	- Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	2.596	4.786	4.259	164,1	89,0	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	1.340	1.762	1.634	121,9	92,7	
	- Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	431	495	483	112,1	97,7	
	- Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	2.030	3.613	3.789	186,6	104,9	
	- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	1.111	632	1.043	93,8	165,0	
	- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	1.573	1.970	3.650	232,0	185,3	
	- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	2.462	4.611	6.313	256,4	136,9	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng	90	1.321	1.358	1.506,6	102,8	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	582	-	-	-	-	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	90	1.321	1.358	1.506,6	112,8	
	- Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	5	-	-	-	-	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	triệu đồng	43	405	477	1.118,9	111,2	
	- Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	5	-	-	-	-	
	- Các nội dung khác	triệu đồng	37	916	881	2.400,3	96,2	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	28.180	57.985	74.961	266,0	129,3	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	-	10	15	-	150,0	
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	-	-	24	-	-	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	53	-	-	-	-	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	3	-	-	-	-	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	1.141	-	-	-	-	
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc			385			
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc			18			
1.3	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc			23			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	-					
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trưng bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	-					
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng	128.172	1.057	77.746	60,7		
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	108.791	-	37.687	53,0		
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	triệu đồng	9.612	285	5.946	61,9		
	- Thực hiện đấu tư, thi công	triệu đồng	-	-	7.530	-		
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	9.769	772	6.563	67,2		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	-	-	-	-	-	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng							
	Giá trị đầu tư phân thành toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²			1.941.523			



STT	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	4	7=6/4	8=6/5	5
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²			3.071			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²			1.420			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	-	-				
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	-	-				
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²	-	-				
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²	-	-				
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-				
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	-	-				
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-				
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	-	-				
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	-	-				
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	696	-	964	138,5		
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng							
	- Tiết kiệm điện	Kw.h	21.470	-	11.980	55,8		
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	10.313	-	2.681	26,0		
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	643	-	822	127,8		
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	235	-	348			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	800	-	1.000	125,0		
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	1.574	-	2.134	135,6		
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	1	-	-			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	1	-	-			
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được, bao gồm:	triệu đồng	1.549	-	-			
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tăng dự toán	triệu đồng	532	-	-			
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	436	-	-			
	- Thực hiện đấu tư, thi công	triệu đồng	557	-	-			
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	4	-	-			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	- Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	- Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	- Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	-	-				
	- Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với tiến độ hạn được duyệt	triệu đồng	-	-				
	- Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	-	-				
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	19	-	15	78,9		
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	1	-	2	200,0		
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	-	-	2.202			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	triệu đồng	2	-	3	150,0		
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	260	-	270	103,9		
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	-	-				
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	-	-				
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	1.225	-	3.272	267,1		
	Số cuối kỳ	triệu đồng	3.272	-	6.365	194,5		
6	Vốn chủ sở hữu							

STT	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	4	7=6/4	8=6/5	5
	Số đầu năm	triệu đồng	2.887.565		3.166.995	109,7		
	Số cuối kỳ	triệu đồng	3.166.995		4.825.523	152,4		
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền và tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

Lon

